TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2019/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 12 năm 2019
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Khiết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tạ Văn Doanh.
2. Ông Trần Đăng Thanh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 17/12/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 338/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/11/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị C, sinh năm 1991 (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn X, xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang
Bị đơn: Anh Lâm Văn P, sinh năm 1987 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lâm Thị C trình bày:

Chị và anh P đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Việc đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn, đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau khi được gia đình tổ chức lễ cưới thì chị và anh P về chung sống với nhau ngay.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2013 thì cuộc sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mỗi người một ý, không bảo ban được nhau trong cuộc sống. Từ đó, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Khi vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Đến tháng 10 năm 2013, vợ chồng ly thân, chị đã về bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P nữa, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Lâm Chỉ H, sinh ngày 03/5/2010 và Lâm Hồng Q, sinh ngày 04/4/2012. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu

cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị đang có công việc thu nhập ổn định đủ đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lâm Văn Công – Bố đẻ của anh Lâm Văn P cung cấp:

Ông xây dựng gia đình cho anh P và chị C từ khoảng năm 2010, Anh P và chị C kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và tổ chức lễ cưới đàng hoàng. Sau ngày cưới, chị C về gia đình nhà ông sinh sống. Trong thời gian chung sống, anh P, chị C đã nảy sinh mâu thuẫn. Đến khoảng tháng 10/2013 thì chị C, anh P mỗi người đi làm ăn một nơi, thi thoảng mới về thăm con, rồi lại đi luôn. Ông có nói chuyện với chị C, anh P thì được biết vợ chồng từ lâu đã không ở cùng nhau và cũng không còn tình cảm, không quan tâm gì tới nhau. Ngoài ra, anh P và chị C có 02 con chung là Lâm Chỉ H và Lâm Hồng Q. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản thì anh P, chị C không có.

Biên bản ghi lời khai con chung ngày 07/10/2019, con chung Lâm Chỉ H và Lâm Hồng Q đều có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị C sau khi bố mẹ ly hôn.

Đối với bị đơn là anh Lâm Văn P, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt giấy báo làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh P vẫn vắng mặt, không có lý do và không có quan điểm thể hiện việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên quan điểm đã trình bày và trình bày bổ sung: Hiện tại chị C đang làm công nhân, có thu nhập hàng tháng là 7 đến 8 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử, Xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chị Lâm Thị C. Cho chị Lâm Thị C được ly hôn anh Lâm Văn P.

+ Về con chung: Giao con chung Lâm Chỉ H, sinh ngày 03/5/2010 và Lâm Hồng Q, sinh ngày 04/4/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của Chị C thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con chung. Các đương sự đều cư trú tại huyện Lục Ngạn. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh P đã được Toà án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh P kết hôn ngày 22 tháng 6 năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, qua xác minh tại địa Phượng thì thấy hiện tại vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống cùng với nhau. Chị C xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh P. Mặt khác, dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng anh P đều không lên Toà án làm việc, điều đó chứng tỏ anh P cũng không còn muốn níu giữ quan hệ hôn nhân với chị C. Có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để xử cho Chị C được ly hôn anh P.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị C và anh P có 02 con chung là Lâm Chỉ H, sinh ngày 03/5/2010 và Lâm Hồng Q, sinh ngày 04/4/2012.

Chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Xét điều kiện nuôi con của chị C thì thấy: Chị C có công việc, thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác, anh P không có quan điểm gì thể hiện nguyện vọng được nuôi con và bản thân hai con chung đều có nguyện vọng được sinh sống cùng với chị C. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho con chung, cần giao cả hai con chung chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị C được ly hôn anh Lâm Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung Lâm Chỉ H, sinh ngày 03/5/2010 và Lâm Hồng Q, sinh ngày 04/4/2012 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai số AA/2018/0005634 ngày 12/8/2019. Xác nhận Chị C đã thi hành xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND H. Lục Ngạn;
- CCTHADS H. Lục Ngạn ;
- UBND xã S,
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Khiết